

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành theo Quyết định số 881 /QĐ – ĐHNH ngày 04 tháng 5 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. HCM)

Tên chương trình: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Mã số: **7340101**

Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung

1. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Sinh viên ngành Quản trị Kinh doanh tốt nghiệp có khả năng nắm vững kiến thức nền tảng về kinh tế, xã hội tổng quát, kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh và điều hành doanh nghiệp hiện đại. Có phẩm chất đạo đức tốt của người làm kinh doanh, quản trị. Có năng lực nghiên cứu giải quyết vấn đề và thực hành nghề nghiệp trong kinh doanh, quản trị điều hành hiệu quả trong kỷ nguyên cách mạng công nghệ số.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình (PLO)

TT	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	PHÂN LOẠI		Cấp độ chuẩn đầu ra của chương trình
		Tổng quát	Chuyên nghiệp	
PLO1	Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong lĩnh vực kinh tế	X		3
PLO2	Khả năng tư duy phản biện	X		3
PLO3	Khả năng tổ chức, làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong môi trường	X		4

	hội nhập quốc tế			
PLO4	Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời	X		3
PLO5	Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	X		4
PLO6	Khả năng nhận diện, phân tích, vận dụng các kiến thức chuyên sâu về quản trị chiến lược, vận hành, marketing, kế toán, tài chính, dự án và chuỗi cung ứng nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề, phát triển giải pháp ứng dụng trong hoạt động quản trị kinh doanh.		X	4
PLO7	Khả năng vận dụng chuẩn mực đạo đức, giá trị văn hóa, kỹ năng giao tiếp, truyền thông và thấu hiểu hành vi tổ chức nhằm khai thác có hiệu quả nguồn lực con người và hình thành hành vi chuyên nghiệp trong hoạt động quản trị kinh doanh phù hợp bối cảnh quốc tế.		X	4
PLO8	Khả năng chủ động nghiên cứu, sáng tạo, phát triển ý tưởng khởi nghiệp; xây dựng, triển khai và đánh giá dự án kinh doanh.		X	5

3. Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra các môn học

Số TT	Tên môn học	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
1. Khiến thức đại cương									
1	Triết học Mác Lê nin	X	X	X					
2	Kinh tế chính trị Mác Lênin	X	X	X					
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X	X					
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X	X	X					

5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X	X					
6	Toán cao cấp 1	X	X				X		
7	Toán cao cấp 2	X	X				X		
8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	X	X				X		
9	Pháp luật đại cương	X	X				X		
10	Tâm lý học	X	X					X	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
1	Kinh tế vi mô	X	X				X		
2	Kinh tế Vĩ mô	X	X				X		
3	Nhập môn ngành QTKD			X	X	X			
4	Nguyên lý kế toán	X				X	X		
5	Luật kinh doanh	X	X			X			
6	Nguyên lý Marketing	X		X	X				
7	Tin học ứng dụng			X	X				X
8	Kinh tế lượng	X	X						X
9	Quản trị học	X		X	X				
10	Lý thuyết TCTT			X			X		X
11	Tài chính doanh nghiệp			X			X		X
12	Kế toán tài chính				X	X	X		
13	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD			X	X			X	
14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X	X		X				
15a	Hành vi khách hàng			X	X		X		
15b	Quản trị đổi mới và sáng tạo		X		X				X
15c	Hệ thống thông tin quản lý			X			X	X	
15d	Kế toán quản trị					X	X		X
16a	Giới thiệu kinh doanh số	X			X	X			
16b	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh	X	X				X		

	ngành								
16c	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh			X			X		X
16d	Sáng tạo và thiết kế trong thời đại số			X			X		X
17	Truyền thông kinh doanh		X	X				X	
18	Đạo đức và văn hóa doanh nghiệp		X			X		X	
19	Quản trị vận hành		X		X		X		X
20	Quản trị chiến lược		X				X		X
21	Quản trị Marketing			X			X	X	
22	Quản trị nguồn nhân lực			X		X		X	
23a	Quản trị hiệu suất					X	X	X	
23b	Quản trị tài chính doanh nghiệp					X	X		X
24a	Quản trị dữ liệu					X	X		X
24b	Phân tích dữ liệu lớn					X	X		X
25	Hành vi tổ chức			X	X			X	
26	Lãnh đạo			X	X			X	
27	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số						X	X	X
28	Quản trị dự án						X	X	X
29	Quản trị chuỗi cung ứng				X		X		X
30a	Quản trị quan hệ khách hàng			X			X		X
30b	Quản trị sự thay đổi trong bối cảnh quốc tế hóa				X			X	X
31a	Marketing số				X		X		X
31b	Chiến lược kinh doanh số			X			X		X
32	Báo cáo thực tập tốt nghiệp						X	X	X
33	Khoá luận tốt nghiệp		X		X		X	X	X

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Chương trình sẽ trang bị cho người học trở thành một chuyên gia trong thế giới kinh doanh thế kỷ 21. Sẵn sàng chinh phục các vai trò lãnh đạo và quản lý trong các tổ chức và kết nối với các đối tác trong ngành là trọng tâm của chương trình học, cho phép cập nhật xu hướng thị trường. Sinh viên sẽ có nhiều cơ hội để tương tác với doanh nghiệp, tập đoàn trong và ngoài nước ở các vị trí sau:

- Các vị trí nhân viên kinh doanh, chăm sóc khách hàng, nhân sự, hành chính, sản xuất, phân phối...(tại phòng Kế hoạch, phòng Tổ chức nhân sự, phòng Quản lý sản xuất, phòng Tài chính, phòng Kế toán, phòng Quản lý chất lượng, phòng Marketing, v.v.) trong các tổ chức trong nước và quốc tế.

- Sau khi tích lũy đủ kinh nghiệm, người học có khả năng đảm trách các vị trí cao hơn và có khả năng tự khởi nghiệp kinh doanh.

- Người học có khả năng tự học suốt đời để hoàn thiện bản thân và đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc. Người học có thể học bổ sung một số học phần để đủ điều kiện nhận văn bằng cử nhân thứ hai tại một số ngành liên quan như Kinh tế - Tài chính – Ngân hàng, có thể học tiếp lên chương trình cao học trong nước và quốc tế về QTKD, hoặc chương trình cao học KT-TC-NH..... (sau khi học bổ sung một số môn chuyên đổi).

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 123 tín chỉ, cộng với học phần giáo dục thể chất (05 tín chỉ) và giáo dục quốc phòng – an ninh (08 tín chỉ). Bên cạnh đó, Chương trình đào tạo tăng cường gồm 08 tín chỉ kỹ năng mềm và tối đa 20 tín chỉ tiếng Anh tăng cường.

Các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh được tính vào tổng số tín chỉ tích lũy, nhưng không tính vào điểm trung bình tích lũy học tập của sinh viên. Việc tích lũy đạt các học phần này là điều kiện để xét đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điểm số của các học phần trong Chương trình giáo dục đại cương và chuyên nghiệp là căn cứ để tính điểm bình quân tích lũy và xếp hạng tốt nghiệp.

6. Đối tượng tuyển sinh

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định chi tiết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

8. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh

Chương trình đối sánh từ các trường đại học trong nước và quốc tế:

1. Đại học Kinh tế TP. HCM – Ngành Quản trị Kinh doanh
2. Đại học Ngoại Thương – Ngành Quản trị Kinh doanh
3. Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội – Ngành Quản trị Kinh doanh
4. Đại học Ngân hàng TP. HCM – Ngành Quản trị Kinh doanh
5. King's College London – Business and Administration
6. National Singapore University – Business and Administration
7. Humber College - Digital Business Management
8. Berlin International University – Digital Business and Management
9. RIMT university – Digital Business

9. Cách thức đánh giá

Điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên được tính theo thang điểm hệ 10 được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm hệ 4. Việc quy đổi giữa các thang điểm được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học tại Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM.

10. Kết cấu và nội dung chương trình

10.1. Kết cấu chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Giáo dục đại cương	10	22	17.87
2	Giáo dục chuyên nghiệp	32	101	82.11
2.1	<i>Cơ sở ngành</i>	17	47	38.21
2.2	<i>Ngành</i>	7	21	17.07
2.3	<i>Chuyên ngành</i>	9	33	26.83
	Tổng cộng	42	123	100.0%

10.2. Nội dung chương trình đào tạo

Số TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Học kỳ phân bổ
			Lý thuyết	Thực hành/Bài tập	Khác	Cộng	
1. KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG							
Học phần bắt buộc							
1.1	Triết học Mác - Lênin	Triết học Mác – Lênin là môn học cơ bản, cung cấp cho người học những kiến thức Khái lược về triết học Mác-Lênin cũng như vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Môn học giúp bồi dưỡng và nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước mà Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.	30	15	0	45	1
1.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin là môn học cơ bản, cung cấp cho người học những kiến thức về Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Công nghiệp hóa – hiện đại hóa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Môn học góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin đối với sinh viên.	25	5	0	30	2

1.3	Chủ nghĩa xã hội	Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học cơ bản, cung cấp cho người học những kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; con đường và giai đoạn đi lên chủ nghĩa cộng sản. Đồng thời, môn chủ nghĩa xã hội khoa học còn đề cập đến những vấn đề chính trị xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa như: dân chủ, nhà nước, giai cấp, dân tộc, tôn giáo, gia đình.	25	5	0	30	3
1.4	Lịch sử Đảng sản Nam	Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học cơ bản, bao gồm chương nhập môn và 3 chương nội dung. Các chủ đề của môn học bao gồm đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học; sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền của Đảng (1930-1945); sự lãnh đạo của Đảng qua hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc xây dựng CNXH, bảo vệ Tổ quốc và công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	25	5	0	30	5

1.5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học cơ bản, bao gồm 6 chương. Môn học cung cấp những kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của Tư tưởng Hồ Chí Minh và các nội dung cụ thể của Tư tưởng Hồ Chí Minh về các vấn đề của cách mạng Việt Nam: về độc lập dân tộc và CNXH; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa đạo đức và xây dựng con người.	15	15	0	30	4
1.6	Toán cấp 1 cao	Môn học trang bị các kiến thức toán cao cấp về đại số tuyến tính ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: ma trận, định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vector R^n , phép biến đổi tuyến tính; chéo hóa ma trận và dạng toàn phương. Học xong môn học này, sinh viên có thể chuyển hóa các dạng bài toán kinh tế sang hệ phương trình hoặc ma trận để xử lý.	30			30	1
1.7	Toán cấp 2 cao	Môn học trang bị các kiến thức toán về giải tích ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: giới hạn, liên tục, đạo hàm và vi phân, tích phân của hàm số một biến số; giới hạn, liên tục, đạo hàm riêng và vi phân toàn phần, cực trị tự do và cực trị có điều kiện của hàm số nhiều biến số; một số dạng phương trình vi phân cấp 1, cấp 2. Học xong môn học này, sinh viên có thể áp dụng để thực hiện các tính toán trong kinh tế, xác định điểm tối ưu và giá trị tối ưu của hàm mục tiêu...	30			30	2

1.8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Đây là học phần kiến thức giáo dục đại cương. Môn học cung cấp các kiến thức cơ sở về toán xác suất và thống kê như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác, lý thuyết mẫu và ứng dụng trọng ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê. Học xong môn học này, sinh viên có thể tiến hành toán xác suất của các biến cố ngẫu nhiên, hiểu về quy luật mà các biến ngẫu nhiên tuân theo và áp dụng xử lý số liệu thống kê đơn giản bằng phần mềm SPSS trên PC, cũng như bằng máy tính bỏ túi. Kiến thức của môn học cũng được sử dụng cho các môn học tiếp theo trong chương trình đào tạo	30	15	0	45	2
1.9	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học nghiên cứu về những vấn đề liên quan tới quy luật hình thành, phát triển và bản chất của nhà nước và pháp luật. Nội dung chính đề cập đến: các vấn đề lý luận và thực tiễn của nhà nước và pháp luật nói chung, tới nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; những khái niệm cơ bản của pháp luật như vi phạm pháp luật, quy phạm pháp luật....; hệ thống pháp luật và những thành tố cơ bản của nó. Kết thúc môn học sinh viên cần hiểu được hành vi thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật từ đó có tinh thần trách nhiệm, ý thức tuân thủ pháp luật trong công việc và cuộc sống.	30	0	0	30	2

1.10	Tâm lý học	Tâm lý học là môn khoa học xã hội, nghiên cứu các vấn đề về bản chất tâm lý người, phân loại các hiện tượng tâm lý người, sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức; phân tích các thành phần trong hoạt động nhận thức của con người, nghiên cứu các yếu tố trong đời sống tình cảm, ý chí và các thành tố tạo nên nhân cách cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người	25	5	0	30	1
1.11	Học phần Giáo dục thể chất 1	Đây là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Điền kinh là một môn thể thao bao gồm các nội dung đi bộ, chạy, nhảy, ném đẩy và nhiều môn phối hợp; là một trong những môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao ở nước ta. Đồng thời, nó là môn học chủ yếu đối với sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và hệ thống các cấp học ở bậc Phổ thông. Nhằm trang bị và hình thành trên cơ sở khoa học chung về sự hình thành và phát triển các hoạt động cho người học, trong đó có tính tới các đặc điểm riêng (giới tính, lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, trình độ chuẩn bị về thể lực, đặc điểm tâm lý....); Trong quá trình giáo dục, giảng viên lập kế hoạch huấn luyện hướng tới sự phát triển kỹ năng, kỹ xảo vận động, các tổ chất thể lực và các phẩm chất đạo đức, phẩm chất ý chí	2.5 tiết	27.5 tiết	0	30 tiết (1 tín chỉ thực hành)	

		theo hướng có chủ đích. Đồng thời, trang bị những kiến thức có liên quan đến môn học về phương pháp giúp người học có thể tự phòng tránh chấn thương; tự xây dựng kế hoạch tập luyện cho bản thân và có thể hướng dẫn cho người khác tập luyện; biết cách vượt qua những khó khăn trong học tập cũng như trong cuộc sống; rèn luyện cho người học ý thức, thái độ học tập đúng đắn, đảm bảo tính kỷ luật trong học tập và cuộc sống.					
1.12	Học phần Giáo dục thể chất 2	Đây là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Thể dục thể thao (TDTT) là một trong những lĩnh vực khoa học gắn liền với đời sống con người. Tập luyện TDTT không những có thể làm cho con người tăng cường sức khỏe, phát triển cân đối toàn diện về trí tuệ, nhân cách, phẩm chất đạo đức, mà còn phát triển toàn diện các tố chất thể lực. Có sức khỏe để nâng cao năng suất lao động, trí sáng tạo và xã hội ngày càng phát triển. Ngoài ra, TDTT còn có ý nghĩa về mặt chính trị như thúc đẩy các mối quan hệ Quốc tế, kết nối cả dân tộc trên thế giới với nhau cùng sống trong hòa bình hữu nghị. Điền kinh là môn thể thao có nguồn gốc lịch sử rất lâu đời, nó ra đời cùng với sự phát triển của loài người. Điền kinh là môn thể thao phong phú, đa dạng gồm nhiều nội dung như:	2.5 tiết	27.5 tiết	0	30 tiết (1 tín chỉ thực hành)	

		chạy, nhảy, ném, đẩy,...tập luyện. Điền kinh không đòi hỏi phức tạp về sân bãi, dụng cụ...nên nó trở thành môn thể thao được ưa chuộng, phổ biến rộng rãi trên thế giới. Và là một trong những môn học cơ bản và quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao ở nước ta. Đồng thời nó là môn học chủ yếu đối với sinh viên các trường Cao đẳng, Đại học chuyên và không chuyên. Do tính đa dạng và phức tạp của kỹ thuật các môn Điền kinh, nên việc hình thành các phương pháp giảng dạy thường được dựa trên đặc điểm tự nhiên của con người, trong đó đặc điểm quan trọng là những quy luật hình thành khả năng phối hợp vận động và định hình động tác cho người học trong quá trình giảng dạy. Chỉ riêng nội dung chạy cũng có nhiều cự ly và kỹ thuật khác nhau.					
1.13	Học phần Giáo dục thể chất 3	Sinh viên có thể lựa chọn học một trong các môn học sau đây: bóng chuyền 1, bóng đá 1, Karate 1, quần vợt 1, bóng bàn 1, cầu lông 1.	2.5 tiết	27.5 tiết	0	30 tiết (1 tín chỉ thực hành)	
1.14	Học phần Giáo dục thể chất 4	Sinh viên có thể lựa chọn học một trong các môn học sau đây: bóng chuyền 2, bóng đá 2, Karate 2, quần vợt 2, bóng bàn 2, cầu lông 2.	2.5 tiết	27.5 tiết	0	30 tiết (1 tín chỉ thực hành)	

1.15	Học phần Giáo dục thể chất 5	Sinh viên có thể lựa chọn học một trong các môn học sau đây: bóng chuyền 3, bóng đá 3, Karate 3, quần vợt 3, bóng bàn 3, cầu lông 3.	2.5 tiết	27.5 tiết	0	30 tiết (1 tín chỉ thực hành)	
1.16	Giáo dục quốc phòng – an ninh	- Sinh viên nắm vững các kiến thức, kỹ năng về Đường lối quốc phòng và an ninh; Công tác quốc phòng và an ninh; Quân sự chung; Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.				8	
2.KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP							
2.1. Kiến thức cơ sở ngành							
Học phần bắt buộc							
2.1	Kinh tế vi mô	Kinh tế học vi mô là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến các mục tiêu: (i) Cung cấp kiến thức nền tảng về kinh tế học nói chung và kinh tế học vi mô nói riêng; (ii) Thực hành một số kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng đọc, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản gồm: Mười nguyên lý kinh tế học; các lý thuyết về cung – cầu; các cấu trúc thị trường; lý thuyết hành vi của người tiêu dùng và của doanh nghiệp	30	15	0	45	1
2.2	Kinh tế Vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: (i) hiểu biết về các khái niệm kinh tế vĩ mô cơ bản, cách thức đo lường các chỉ tiêu của nền kinh tế vĩ mô và mối quan hệ giữa chúng; (ii) hiểu biết về các chính sách của chính phủ trong điều hành kinh tế vĩ mô. Để đạt được các mục tiêu trên,	30	15	0	45	2

		môn học gồm 8 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, bao gồm: tổng quan về kinh tế học vĩ mô, dữ liệu kinh tế vĩ mô, sản xuất và tăng trưởng, hệ thống tiền tệ, tổng cầu và tổng cung, chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá, lạm phát và thất nghiệp, kinh tế học vĩ mô của nền kinh tế mở.					
2.3	Nhập môn ngành QTKD	Đây là học phần kiến thức cơ sở ngành Quản trị Kinh doanh. Nội dung học phần, trang bị những kiến thức cơ bản nhất về hoạt động kinh doanh, quản trị trong các tổ chức và đặt nền tảng cho sự vận dụng các kiến thức này vào công tác quản trị, kinh doanh các hoạt động của doanh nghiệp, làm cơ sở để sinh viên tiếp tục tiếp nhận kiến thức ở các môn quản trị chuyên ngành. Hơn thế nữa học phần này sẽ giúp sinh viên có được cái nhìn tổng quan và có hệ thống về quản trị kinh doanh để họ có thể trợ giúp cho các nhà quản trị và chủ doanh nghiệp điều hành sản xuất kinh doanh tốt và hiệu quả hơn. Ngoài ra, sau khi kết thúc môn học sinh viên có thể định vị theo đuổi định hướng nghề nghiệp trong hoạt động quản trị kinh doanh hiện nay.	15	15	0	30	2
2.4	Nguyên lý kế toán	Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về kế toán, cụ thể: đối tượng kế toán, vai trò và chức năng của kế toán. Bên cạnh đó, môn học trang bị kiến thức về các phương pháp kế toán: phương pháp chứng từ, kiểm kê, tài khoản, ghi sổ, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán. Ngoài ra môn học giúp người học hiểu về tổ chức công tác kế toán, các	30	15	0	45	3

		hình thức kế toán, hệ thống báo cáo tài chính.					
2.5	Luật kinh doanh	Đây là môn học cơ sở, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Kinh tế quốc tế của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh doanh, quyền tự do kinh doanh; Pháp luật về chủ thể kinh doanh; Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh; Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh; Phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Ngoài ra, môn học Luật kinh doanh còn giúp sinh viên có khả năng nhận diện được các quy định của pháp luật để áp dụng cho việc tra cứu và sử dụng giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn.	30	15	0	45	3
2.6	Nguyên lý Marketing	Môn học được xây dựng gồm có các nguyên lý cơ bản của marketing. Đây là học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước đầu áp dụng được những nội dung marketing cơ bản vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản liên quan đến việc thu thập thông tin về thị trường, hiểu được hành vi của khách hàng, thực hiện được hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và biết cách triển khai bộ công cụ marketing để phục vụ nhu cầu của khách hàng mục tiêu, đồng thời mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.	25	15	5	45	2

2.7	Tin học ứng dụng	Môn học rất cần thiết, trang bị một số kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên khối ngành kinh tế - quản trị - quản lý của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM sử dụng tốt máy tính phục vụ cho học tập, nghiên cứu và làm việc của mình. Sau khi học xong môn học, sinh viên nắm được các kiến thức, kỹ năng cơ bản, sử dụng được các phần mềm MS Word, MS Excel, SPSS, và các phần mềm khác để soạn thảo các văn bản chất lượng cao, lập được các bảng tính phức tạp, giải được một số bài toán trong phân tích tài chính, phân tích kinh doanh, phân tích dữ liệu và quản lý dự án, phục vụ trực tiếp cho học tập, nghiên cứu và làm việc sau này.	30	15	0	45	4
2.8	Kinh tế lượng	Đây là học phần kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản để ước lượng một cách đúng đắn các quan hệ kinh tế, kiểm định giả thuyết về các mối quan hệ kinh tế. Trên cơ sở đó đưa ra mô hình phù hợp với thực tế, phản ánh được bản chất các quan hệ kinh tế. Mô hình sẽ được dùng trong phân tích, dự báo và hoạch định chính sách. Sau khi học xong môn học, sinh viên có kiến thức lý thuyết và kỹ năng xây dựng mô hình hồi quy một phương trình với các tình huống kinh tế cơ bản: ước lượng được các hàm cung, các hàm cầu, hàm tổng chi phí, ... Biết sử dụng một số phần mềm chuyên dụng về thống kê và kinh tế lượng: EVIEWS, SPSS,... Kiến thức của môn học là cơ sở của phương pháp nghiên cứu định lượng và cũng được sử dụng cho các	25	20	0	45	3

		môn học tiếp theo trong chương trình đào tạo.					
2.9	Quản trị học	Môn học được xây dựng tạo nền tảng về công việc quản trị trong tổ chức. Đây là học phần kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế. Nội dung tập trung giới thiệu cơ bản về các khái niệm và thực tiễn quản trị trong các tổ chức. Các chủ đề môn học bao gồm một số cách tiếp cận đến các chức năng cơ bản của quản trị bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Các xu hướng về lý thuyết và chức năng quản lý cũng được đánh giá, cũng như nghiên cứu quản lý và ứng dụng vào thực tiễn quản lý và các khía cạnh có trách nhiệm, đạo đức và toàn cầu trong thực tiễn kinh doanh hiện tại.	30	15	0	45	1
2.10	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	Lý thuyết Tài chính tiền tệ là một trong những môn học nằm trong khối kiến thức ngành, nội dung của môn học đề cập những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính tiền tệ như: tổng quan về tài chính tiền tệ, ngân sách nhà nước; Những vấn đề cơ bản về tín dụng, ngân hàng và thị trường tài chính; Các lý luận về cung cầu tiền tệ, lãi suất, lạm phát và chính sách tiền tệ... Đây là những kiến thức cần thiết và quan trọng làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng.	25	15	5	45	3
2.11	Tài chính doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp là môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp sản xuất, làm tiền đề để học tiếp các môn kế toán tài chính, phân tích tài chính doanh nghiệp, quản trị tài chính doanh nghiệp và đầu tư tài	30	15	0	45	3

		chính và những môn học khác có liên quan đến tài chính của doanh nghiệp. Trong môn học này sinh viên sẽ được nghiên cứu những vấn đề chủ yếu như: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp, Giá trị của tiền theo thời gian, Quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro, Các nguồn tài trợ cho doanh nghiệp, Chi phí sử dụng vốn, Các lý thuyết về cơ cấu vốn, Đòn bẩy hoạt động và đòn bẩy tài chính,...					
2.12	Kế toán tài chính	Môn học Kế toán tài chính 1 là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở. Môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức kế toán các phần hành cụ thể tại doanh nghiệp sản xuất: kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản thanh toán; kế toán các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất (kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán khoản phải trả người lao động); kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; kế toán đầu tư tài chính; kế toán xác định kết quả kinh doanh; kế toán nguồn vốn chủ sở hữu. Môn học giới thiệu những vấn đề cơ bản của từng phần hành như khái niệm, ý nghĩa, các nguyên tắc kế toán cơ bản; sau đó tìm hiểu quy trình kế toán từng phần hành bao gồm các bước: chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu và trình bày thông tin lên báo cáo tài chính. Môn học cung cấp kiến thức về báo cáo tài chính giúp sinh viên phân tích, đánh giá về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, dòng tiền của doanh nghiệp sản xuất.	30	15	0	45	4

2.13	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp từ vựng, khái niệm với các tình huống liên quan lĩnh vực quản trị. Môn học tạo điều kiện cho sinh viên hiểu, rèn luyện kỹ năng và vận dụng kiến thức từ vựng, cấu trúc và kỹ năng ngôn ngữ vào các tình huống đọc hiểu, trao đổi, thảo luận, thuyết trình, biên soạn văn bản trong các ngữ cảnh liên quan đến chuyên ngành quản trị kinh doanh.	15	30	0	45	
2.14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn học kiến thức cơ sở khối ngành được xây dựng để cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành hoạt động nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Cụ thể, môn học sẽ giới thiệu cơ bản về vấn đề nghiên cứu, vai trò của nghiên cứu, cách thức xác định vấn đề nghiên cứu, thực hiện lược khảo tài liệu và các nghiên cứu trước có liên quan; đặt câu hỏi nghiên cứu; đạo đức trong nghiên cứu, cách trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo; thu thập số liệu và chọn mẫu; cách trình bày dữ liệu và lựa chọn thiết kế nghiên cứu với các dạng dữ liệu; cách viết đề cương và báo cáo nghiên cứu.	30	15	0	45	4
Học phần tự chọn kiến thức cơ sở ngành (Sinh viên lựa chọn 03 trong 04 môn học thuộc 01 trong 02 nhóm sau đây để tích lũy)							
2.15a	Hành vi khách hàng	Môn học được xây dựng để cung cấp cho học viên những kiến thức về hành vi khách hàng, bao gồm: Sau khi học xong, người học có khả năng phân tích, đánh giá được hành vi mua hàng của khách hàng cá nhân & doanh nghiệp	25	15	5	45	4

2.15b	Quản trị đổi mới và sáng tạo	Môn học nhằm trang bị cho học viên kiến thức cơ bản về các vấn đề chính trong quản trị đổi mới và kỹ năng cần thiết để quản trị hoạt động đổi mới trong một tổ chức ở cả cấp độ chiến lược và thực hiện. Với cách tiếp cận theo tình huống, môn học cung cấp các phương pháp quản trị đổi mới khác nhau dựa trên các ví dụ thực tế và kinh nghiệm của các tổ chức hàng đầu từ trên thế giới. Nội dung Quản trị đổi mới là một trong những khía cạnh quan trọng nhất và đầy thách thức của các tổ chức hiện đại. Trong bối cảnh toàn cầu hóa với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, đổi mới trở thành vũ khí đặc biệt quan trọng và là một trình điều kiện cơ bản của năng lực cạnh tranh. Nhìn rộng ra, đổi mới có một vai trò lớn trong việc cải thiện chất lượng cuộc sống. Đổi mới chưa bao giờ là một việc đơn giản. Đổi mới luôn khó khăn, không chắc chắn và chứa nhiều rủi ro. Thậm chí, khi đã có ý tưởng mới, việc biến nó thành sản phẩm thương mại sẽ còn vô vàn thách thức. Do vậy, điều quan trọng là học viên sau khi học xong môn học này sẽ hiểu được chiến lược, các công cụ và kỹ thuật cần thiết để quản trị đổi mới.	25	15	5	45	5
2.15c	Hệ thống thông tin quản lý	Hệ thống thông tin quản lý là môn học cơ sở ngành kinh tế - quản trị, được giảng dạy trước các môn chuyên ngành. Môn học hệ thống thông tin quản lý cung cấp kiến thức về các hệ thống thông tin cần thiết phục vụ cho quá trình quản lý và ứng dụng của chúng trong các tổ chức, các doanh nghiệp. Môn học hệ thống thông tin	30	15	0	45	5

		quản lý trình bày các công cụ để hoạch định, tổ chức và phát triển các hệ thống thông tin phù hợp với tổ chức doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng lợi thế cạnh tranh cho tổ chức.					
2.15d	Kế toán quản trị	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị; nhận diện và phân loại chi phí theo các tiêu thức khác nhau; phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận; lập dự toán ngân sách; đánh giá trách nhiệm quản lý và định giá bán sản phẩm; ứng dụng thông tin thích hợp trong việc ra quyết định của nhà quản trị.	30	15	0	45	6
2.16a	Giới thiệu kinh doanh số	Trong những năm gần đây, công nghệ kỹ thuật số đã trở thành động lực quan trọng cho các loại sản phẩm và dịch vụ mới, cũng như các hình thức kinh doanh mới. Môn học giới thiệu kinh doanh kỹ thuật số cung cấp các kiến thức nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của một tổ chức, bằng cách triển khai các công nghệ kỹ thuật số sáng tạo trong toàn tổ chức. Nó không chỉ đơn giản liên quan đến việc sử dụng công nghệ để tự động hóa các quy trình hiện có, mà là chuyển đổi kỹ thuật số bằng cách áp dụng công nghệ để giúp thay đổi các quy trình nhằm tăng giá trị cho doanh nghiệp và khách hàng. Môn học kinh doanh kỹ thuật số liên quan đến việc xem xét cách thức truyền thông điện tử có thể được sử dụng để nâng cao tất cả các khía cạnh của việc quản lý chuỗi cung ứng của một tổ chức, cũng như việc tối ưu hóa chuỗi giá trị của tổ chức.	25	15	5	45	4
2.16b	Hệ thống	Môn học này khái quát về	30	15	0	45	5

	hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	quản lý doanh nghiệp và ứng dụng hệ thống phần mềm quản lý tài nguyên doanh nghiệp (ERP). Phân tích chức năng, ưu điểm và những hạn chế của hệ thống phần mềm ERP. Khám phá về kiến trúc, mô hình hoá và thiết kế các hệ thống phần mềm ERP. Sau khi học xong người học có thể nắm bắt quá trình triển khai một dự án để xây dựng phần mềm ERP và tiếp cận với giải pháp về hoạch định nguồn lực doanh nghiệp thông qua một số hệ thống ERP cụ thể được giới thiệu để sinh viên trực tiếp tiếp cận và tự nghiên cứu.					
2.16c	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh	Môn học cung cấp sinh viên nắm được các khái niệm và phương pháp toán – thống kê trong thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, mô hình hóa và suy diễn thống kê; Biết vận dụng tốt các khái niệm và phương pháp học máy phù hợp cho phân tích dữ liệu, dữ liệu lớn; Hiểu cơ bản về quy trình xây dựng mô hình trong phân tích dữ liệu – dữ liệu lớn từ các yêu cầu thực tiễn trong kinh tế – kinh doanh.	30	15	0	45	6
2.16d	Sáng tạo và thiết kế trong thời đại số	Môn học được xây dựng trên cơ sở các nguyên lý cơ bản của marketing. Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước đầu áp dụng được những nội dung về tư duy sáng tạo và thiết kế vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong thời đại số. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức liên quan đến quá trình nảy sinh các ý tưởng, cách đánh giá và cách chia sẻ ý tưởng với những người xung quanh.	25	15	5	45	5

		Người học có khả năng khai thác năng lực sáng tạo của mình và những người xung quanh					
2.2. Kiến thức ngành							
Học phần bắt buộc							
2.17	Truyền thông kinh doanh	Truyền thông trong kinh doanh là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nó cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về các hoạt động giao tiếp, truyền thông trong hoạt động kinh doanh. Sau khi học xong môn học, sinh viên sẽ nắm được những vấn đề cơ bản trong hoạt động giao tiếp nói chung và giao tiếp trong hoạt động sản xuất kinh doanh nói riêng. Đồng thời, cũng rèn luyện những kỹ năng cần thiết trong quá trình làm việc như: Kỹ năng thuyết trình, trình bày một vấn đề, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, email, Memos, phỏng vấn dự tuyển..	25	15	5	45	4
2.18	Đạo đức và văn hóa doanh nghiệp	Môn học được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp, là học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành mang tính chất bổ trợ kiến thức cho sinh viên khối ngành kinh tế nói chung và sinh viên khoa quản trị kinh doanh nói riêng. Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về (1) vấn đề đạo đức trong các lĩnh vực kinh tế như khái niệm, vai trò, sự cần thiết, chuẩn mực và cách thức xây dựng đạo đức kinh doanh trong môi trường kinh doanh hiện nay; (2) vấn đề văn hóa	25	15	5	45	5

		doanh nghiệp như khái niệm, sự cần thiết, các nhân tố hình thành, mô hình và kỹ năng cần thiết để xây dựng, duy trì và thay đổi văn hóa của doanh nghiệp.					
2.19	Quản trị vận hành	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản nhất để quản trị vận hành một hệ thống sản xuất trên cơ sở quan điểm hiện đại tại doanh nghiệp. Giúp cho sinh viên có được những nhận thức căn bản để phối hợp các công cụ và kỹ thuật để đảm bảo được năng suất và hiệu quả của sản phẩm trong quá trình vận hành. Nội dung môn học bao gồm việc đề cập đến kỹ năng, cách thức dự báo, điều phối, các quyết định liên quan đến quá trình sản xuất để nhà quản trị điều hành tốt trong môi trường sản xuất và cung cấp dịch vụ tại doanh nghiệp trong tương lai.	30	15	0	45	5
2.20	Quản trị chiến lược	Môn học được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học về chiến lược và quản trị chiến lược, là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức chủ yếu và khả năng áp dụng tiến trình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp cũng như các loại hình tổ chức khác, với các nội dung chính về: phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, xây dựng chiến lược, tổ chức chiến lược, và kiểm soát chiến lược. Sau khi hoàn thành môn học, người học có khả năng thực hành quy trình quản trị chiến lược trong các loại hình tổ chức kinh doanh.	30	15	0	45	6

2.21	Quản trị Marketing	Môn học được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học về quản trị Marketing. Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp và Marketing. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và khả năng áp dụng tiến trình quản trị marketing trong doanh nghiệp cũng như các loại hình tổ chức khác, với các nội dung chính về: phân tích môi trường marketing của doanh nghiệp, xây dựng chiến lược phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường, tổ chức thực hiện, đánh giá, điều chỉnh chiến lược marketing trong mối quan hệ với chiến lược tổng quát của doanh nghiệp.	25	15	5	45	5
2.22	Quản trị nguồn nhân lực	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, giúp sinh viên hiểu rõ và nhìn nhận một cách có hệ thống vai trò then chốt của nhân lực và quản trị nguồn nhân lực trong một tổ chức. Hiểu được những quan điểm, xu hướng mới trong quản trị nguồn nhân lực; Nắm vững và vận dụng một cách linh hoạt các chức năng cơ bản của Quản trị nguồn nhân lực; Rèn luyện và phát huy những kỹ năng thiết yếu trong công tác quản trị nguồn nhân lực: tuyển dụng; đánh giá nhân sự; động viên, khuyến khích nhân viên; giải quyết các tranh chấp lao động, v.v...	30	15	0	45	6
Học phần tự chọn kiến thức ngành (Sinh viên lựa chọn 01 trong 02 môn học thuộc 01 trong 02 nhóm sau đây để tích lũy)							
2.23a	Quản trị hiệu suất	Môn học được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học về quản trị hiệu suất, là học phần thuộc kiến thức tự chọn thuộc ngành, mang tính chất bổ trợ kiến thức cho sinh viên khối	25	15	5	45	6

		ngành kinh tế nói chung và sinh viên khoa quản trị kinh doanh nói riêng. Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết: (1) các vấn đề về quản trị hiệu suất liên quan đến phương pháp, chiến lược, xây dựng hệ thống; (2) nắm bắt, áp dụng được các mô hình quản trị hiệu suất vào các loại hình kinh doanh khác nhau, đồng thời thực hiện được các hoạt động để nâng cao hiệu quả quản trị hiệu suất trong thực tiễn kinh doanh.					
2.23b	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Quản trị tài chính doanh nghiệp là môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính công ty nhằm mục đích tăng giá trị công ty. Các nội dung của môn học được bắt đầu bằng với những kiến thức liên quan đến quản trị tài sản ngắn hạn, bao gồm quản trị tiền, quản trị hàng tồn kho, quản trị khoản phải thu. Tiếp đến, môn học cung cấp các kiến thức nền tảng liên quan đến quyết định đầu tư dài hạn thông qua việc hoạch định ngân sách vốn đầu tư. Sau đó, môn học cung cấp kiến thức về các nguồn tài trợ của doanh nghiệp, chính sách cổ tức và lập kế hoạch tài chính và dự báo tài chính. Sinh viên cần trang bị thêm kỹ năng tự nghiên cứu và làm việc nhóm để tham gia các hoạt động thực hành, thảo luận, làm bài tập của môn học.	30	15	0	45	6
2.24a	Quản trị dữ liệu	Mục tiêu chính của môn học sẽ giới thiệu những kiến thức chủ chốt về tích hợp dịch vụ trong các tổ chức để có thể xây dựng nên những hệ thống quy mô lớn, phức tạp (hệ thống của các hệ thống). Học viên sẽ được giới thiệu quy	30	15	0	45	6

		trình chung trong việc tích hợp nhiều hệ thống và ứng dụng khác nhau để tạo ra giải pháp hữu hiệu hợp với ngữ cảnh. Môn học cũng đề cập đến những kỹ thuật tích hợp như dựa trên mô hình quy trình kinh doanh, mẫu sử dụng lại, ứng dụng mô hình kiến trúc hướng dịch vụ.					
2.24b	Phân tích dữ liệu lớn	Môn học sẽ giới thiệu về bài toán xử lý dữ liệu lớn và hai vấn đề nổi bật trong bài toán này liên quan đến lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn. Từ đó, học viên sẽ được giới thiệu và nghiên cứu thêm về một số phương pháp, kỹ thuật hiện đại trong cả việc lưu trữ lẫn xử lý dữ liệu quy mô lớn, chẳng hạn như mô hình lưu trữ Hadoop, mô hình xử lý dữ liệu dựa trên MapReduce, ... Ngoài ra, học viên cũng sẽ được tìm hiểu, nghiên cứu chuyên sâu hơn về các hệ thống hiện đang được ứng dụng triển khai đối với lớp bài toán cần phải xử lý dữ liệu quy mô lớn.	30	15	0	45	6
2.2. Kiến thức chuyên ngành							
Học phần bắt buộc							
2.25	Hành vi tổ chức	Môn Hành vi tổ chức là môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về quản lý và sử dụng một cách hiệu quả nhân sự trong tổ chức. Nội dung môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để phân tích, giải thích và dự đoán hành vi con người trong tổ chức; những ảnh hưởng của hành vi đến quá trình thực hiện nhiệm vụ trong tổ chức. Nghiên cứu hành vi tổ chức được thực hiện trên cả ba cấp độ: cá nhân, nhóm và	25	15	5	45	5

		tổ chức. Kỹ năng nhân sự là một trong những kỹ năng quan trọng nhất quyết định sự thành công của nhà quản trị, nghiên cứu hành vi tổ chức giúp họ hoàn thiện kỹ năng này.					
2.26	Lãnh đạo	Môn học là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh bậc đại học. Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về vai trò của nhà lãnh đạo trong việc thay đổi, phát triển, và hoàn thiện những cơ cấu và giá trị của tổ chức. Hiểu được những trường phái nghiên cứu về lãnh đạo nhằm ứng dụng trong hoạt động quản trị và điều hành tổ chức, doanh nghiệp. Môn học này đặc biệt chú trọng vào việc phát triển các lý thuyết, thực tiễn và năng lực của lãnh đạo hiện đại trong điều kiện toàn cầu hóa, bùng nổ tri thức, thay đổi rất nhanh. Sau khi học xong sinh viên có thể nắm vững kỹ năng lãnh đạo nhằm phát triển tầm nhìn chiến lược, năng lực lãnh đạo và quản lý sự thay đổi từ đó nâng cao hiệu quả của tổ chức.	25	15	5	45	7
2.27	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số	Môn học là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Môn học cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức và kỹ năng ứng dụng từ các lĩnh vực về quản trị, tài chính, nhân sự, Marketing để hình thành ý tưởng và hiện thực hóa ý tưởng khởi nghiệp. Nội dung bao gồm sáng tạo ý tưởng khởi nghiệp, lập kế hoạch khởi nghiệp và tổ chức hoạt động khởi nghiệp. Sau	25	15	5	45	7

		khí học xong, sinh viên có được khả năng: 1. Tìm kiếm và đánh giá ý tưởng; 2. Phân tích được thị trường và nhu cầu của khách hàng về sản phẩm, dịch vụ; 3. Xây dựng được kế hoạch kinh doanh; 4. Triển khai thực hiện kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh; 5. Định hướng trở thành doanh nhân.					
2.28	Quản trị dự án	Môn học được xây dựng để cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản cơ bản về quản trị dự án đầu tư. Sau khi học xong, người học có khả năng đánh giá, phân tích, ra quyết định và quản trị hiệu quả các hoạt động của dự án tại doanh nghiệp.	30	15	0	45	7
2.29	Quản trị chuỗi cung ứng	Môn học được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học chuỗi cung ứng và việc quản lý chuỗi cung ứng, là học phần thuộc kiến thức ngành Quản trị kinh doanh. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, kỹ năng xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng để người học được cái nhìn tổng quát quản trị doanh nghiệp trước khi đi vào chuyên sâu kỹ thuật quản trị cho nhà quản trị tương lai.	25	15	5	45	7
Học phần tự chọn kiến thức chuyên ngành (Sinh viên lựa chọn 01 trong 02 môn học thuộc 01 trong 02 nhóm sau đây để tích lũy)							
2.30a	Quản trị quan hệ khách hàng	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa khách hàng với doanh nghiệp, vai trò đối với doanh nghiệp và các định hướng chiến lược để tạo lập, duy trì và phát triển	25	15	5	45	7

		mối quan hệ này. Môn học giúp sinh viên hiểu về mô hình tổng quan và các nội dung doanh nghiệp cần thực hiện để quản trị quan hệ khách hàng. Môn học đặc biệt chú trọng vào việc cung cấp cho sinh viên những kiến thức và quan điểm mang tính chất nền tảng cũng như tư duy chuyển đổi từ hướng chú trọng đến giao dịch sang tư duy xây dựng và giúp doanh nghiệp gắn kết lâu dài với khách hàng. Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể bước đầu hình thành tư duy định hướng mối quan hệ với khách hàng nhằm phát triển tầm nhìn chiến lược, năng lực lãnh đạo và quản lý sự thay đổi từ đó nâng cao hiệu quả của tổ chức.					
2.30b	Quản trị sự thay đổi trong bối cảnh quốc tế hóa	Môn học này là học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp. Môn học trang bị cho người học khả năng vận dụng những kiến thức cần thiết trong quản trị tổ chức để nhận diện vấn đề và đề xuất các sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả của tổ chức. Cụ thể, người học sẽ nắm được các đặc trưng về sự thay đổi như: hình thức thay đổi, loại thay đổi những áp lực khiến cho tổ chức phải thay đổi...Người học cũng được cung cấp các kiến thức về những mô hình quản trị sự thay đổi, quy trình quản trị sự thay đổi, những phản ứng của các cá nhân trong tổ chức trước những thay đổi. Từ đó, người học sẽ có thể vận dụng các kiến thức về quản trị sự thay đổi để lập được kế hoạch cho sự thay đổi, theo dõi, kiểm soát quá trình thay đổi, đưa ra những biện pháp xử lý những phản ứng của con người trước thay đổi trong tổ	25	15	5	45	7

		chức để đảm bảo hiệu quả cho tổ chức trong quá trình thay đổi. Môn học cũng giúp cho người học nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị sự thay đổi từ đó có thái độ tích cực hơn với những thay đổi trong cuộc sống. Đặc biệt người học sẽ được tiếp cận với các vấn đề phát sinh đối với tổ chức trong bối cảnh quốc tế hóa và được trang bị những kỹ năng cần thiết cho phù hợp với bối cảnh này.					
2.31a	Marketing số	Môn học được thiết kế để cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết thấu đáo về lý thuyết và thực tiễn về marketing trên môi trường kỹ thuật số; giúp sinh viên nắm bắt được sự đổi mới trong vận dụng các phương tiện kỹ thuật số trong hoạt động marketing của doanh nghiệp. Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông Marketing với các công cụ truyền thông mới như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing, Pr trực tuyến.... Qua đó, sinh viên sinh viên có khả năng nhận biết được các công cụ Digital marketing để vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông marketing. Đồng thời có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động Digital Marketing.	30	15	0	45	5
2.31b	Chiến lược kinh doanh số	Bối cảnh nền kinh tế số đang phát triển mạnh mẽ đã làm thay đổi các phương thức kinh doanh. Môn học chiến lược kinh doanh số được xây dựng nhằm cung cấp cho người học	25	15	5	45	7

		những kiến thức nền tảng về chiến lược trong nền kinh tế số. Nội dung tập trung vào các vấn đề sự phát triển của kinh doanh số, nắm vững các vấn đề trong chiến lược kinh doanh số và các tình huống nghiên cứu trong thực tế công việc hàng ngày					
2.32	Thực tập Tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc học kỳ cuối của chuyên ngành quản trị kinh doanh. Trong học phần này, sinh viên sẽ khám phá, quan sát, phân tích thực tế các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến các đơn vị chức năng của một doanh nghiệp; liên hệ, đối chiếu giữa lý luận với thực tiễn các vấn đề liên quan đến việc vận hành một doanh nghiệp; rút ra những bài học kinh nghiệm, đề xuất các kiến nghị cần thiết cho các bên liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp trong một lĩnh vực kinh doanh cụ thể. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ lĩnh hội tri thức và kinh nghiệm từ thực tiễn kinh doanh; rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xử lý các quy trình tác nghiệp của một chức danh nghề nghiệp cụ thể; trau dồi đạo đức, phong cách nghề nghiệp để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	0	0	45	45	8
2.33	Khoá luận tốt nghiệp	Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành quản trị kinh doanh là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành để hoàn thành chương trình đào tạo.	0	0	135	135	8

		Khóa luận được hoàn thành đúng quy định của quy chế đào tạo sẽ cho thấy những tri thức khoa học chuyên ngành liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà những tri thức này người học đã lĩnh hội được qua quá trình đào tạo; khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học.					
--	--	--	--	--	--	--	--

11. Kế hoạch đào tạo

Các học phần Giáo dục thể chất được bố trí từ học kỳ 1 đến học kỳ 5.

Học phần Giáo dục Quốc phòng và An ninh được bố trí trong năm thứ nhất (hoặc các năm tiếp theo trong thời gian đào tạo, tùy điều kiện thực tiễn tổ chức đào tạo học phần này).

Các khối kiến thức giáo dục đại cương và chuyên nghiệp của chương trình đào tạo được bố trí trong các học kỳ như trình bày dưới đây.

11.1. Học kỳ 1

STT	Mã môn học	Tên môn học (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Môn học trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM306	Triết học Mác – Lên nin/ <i>Marxist – Leninist Philosophy</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
2	AMA301	Toán cao cấp 1/ <i>Advanced Mathematic 1</i>	2	Không	BB	Tiếng Việt
3	MES302	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
4	MAG301	Quản trị học/ <i>Fundamental of Management</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt

5	SOC303	Tâm lý học	2	Không	Tự chọn	Tiếng Việt
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			13			
6	GYM301	Học phần GDTC 1	1	Không	BB	Tiếng Việt
7		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	Không	BB	Tiếng Việt

11.2. Học kỳ 2

STT	Mã môn học	Tên môn học (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Môn học trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM307	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin/ <i>Marxist-Leninist Political Economics</i>	2	Triết học Mác – Lê nin	BB	Tiếng Việt
2	AMA302	Toán cao cấp 2/ <i>Advanced Mathematic 2</i>	2	Không	BB	Tiếng Việt
3	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability theory and Mathematical Statistics</i>	3	Toán cao cấp 2	BB	Tiếng Việt
4	LAW349	Pháp luật đại cương/ <i>General Laws</i>	2	Không	BB	Tiếng Việt
5	MAG301	Nguyên lý Marketing/ <i>Principles of Marketing</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
6	MAG319	Nhập môn Quản trị kinh doanh/ <i>Introduction to Business and Administration</i>	2	Quản trị học	BB	Tiếng Việt
7	MES303	Kinh tế vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			17			
8	GYM302	Học phần GDTC 2	1	GDTC 1	BB	Tiếng Việt

11.3. Học kỳ 3

STT	Mã môn học	Tên môn học (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Môn học trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific Socialism</i>	2	Triết học Mác-Lênin	BB	Tiếng Việt
2	ACC301	Nguyên lý kế toán/ <i>Principles of Accounting</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt

3	FIN301	Lý thuyết tài chính – tiền tệ/ <i>Financial and Monetary Theory</i>	3	Kinh tế vĩ mô	BB	Tiếng Việt
4	ECE301	Kinh tế lượng/ <i>Econometrics</i>	3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	BB	Tiếng Việt
5	FIN303	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	3	Nguyên lý kế toán	BB	Tiếng Việt
6	LAW304	Luật kinh doanh/ <i>Business Law</i>	3	Pháp luật đại cương	BB	Tiếng Việt
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			17			
7	GYM302	Học phần GDTC 3	1	GDTC 2	BB	Tiếng Việt

11.4. Học kỳ 4

STT	Mã môn học	Tên môn học (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Môn học trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>	2	Triết học – Mác Lênin	BB	Tiếng Việt
2	ITS301	Tin học ứng dụng/ <i>Applied Informatics</i>	3	Chứng chỉ tin học căn bản hoặc Chứng chỉ IC3 hoặc Đạt kỳ thi Tin học đầu vào	BB	Tiếng Việt
3	MAG303	Truyền thông kinh doanh	3	Quản trị học	BB	Tiếng Việt
4	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Không	BB	Tiếng Việt
5	ACC302	Kế toán tài chính	3	Nguyên lý kế toán	BB	Tiếng Việt
6		Học phần tự chọn cơ sở ngành	3		Tự chọn	Tiếng Việt
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			17			
8	GYM304	Học phần GDTC 4	1		BB	Tiếng Việt

11.5. Học kỳ 5

STT	Mã môn	Tên môn học	Số	Môn học	Bắt buộc	Ngôn
-----	--------	-------------	----	---------	----------	------

	học	(tên tiếng Anh)	tín chỉ	trước/song hành	(BB)/Tự chọn (TC)	ngữ giảng dạy
1	MLM309	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ <i>History Of Vietnamese Communist Party</i>	2	Triết học – Mác Lênin	BB	Tiếng Việt
2	ENP307 – 201_6	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Kinh doanh/ <i>English For Business Administration</i>	3	IELTS 4.5 hoặc bậc 3 trở lên theo khung năng lực 6 bậc hoặc đạt điểm theo quy định của kỳ kiểm tra năng lực tiếng Anh giữa khóa	BB	Tiếng Anh
3	MAG306	Quản trị vận hành/ <i>Operation Management</i>	3	Quản trị học	BB	Tiếng Việt
4	MAG302	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp/ <i>Business Ethics and Organizational Culture</i>	3	Quản trị học	BB	Tiếng Việt
5	MG013_2	Hành vi tổ chức/ <i>Organization Behavior</i>	3	Truyền thông kinh doanh	BB	Tiếng Anh
6		Học phần tự chọn cơ sở ngành	3		BB	Tiếng Việt
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			17			
7	GYM305	Học phần GDTC 5	1	GDTC 4	BB	Tiếng Việt

11.6. Học kỳ 6

STT	Mã môn học	Tên môn học (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Môn học trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MAG313	Quản trị chiến lược/ <i>Strategic Management</i>	3	Quản trị học	BB	Tiếng Anh
2	MAG311	Quản trị nguồn nhân lực/ <i>Human Resource Management</i>	3	Quản trị học	BB	Tiếng Anh
3	MAG309	Quản trị marketing/ <i>Marketing Management</i>	3	Nguyên lý Marketing	BB	Tiếng Anh (K9)

4		Học phần tự chọn cơ sở ngành	3		Tự chọn	Tiếng Việt
5		Học phần tự chọn ngành	3		Tự chọn	Tiếng Việt
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			15			

11.7. Học kỳ 7

STT	Mã môn học	Tên môn học (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Môn học trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MAG304	Lãnh đạo/ <i>Leadership</i>	3	Quản trị học	BB	Tiếng Việt
2	MAG307	Quản trị chuỗi cung ứng/ <i>Supply Chain Management</i>	3	Quản trị học	BB	Tiếng Anh (K9)
3	MAG317	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số/ <i>Entrepreneurship In The Digital Age</i>	3	Quản trị học	BB	Tiếng Anh
4	MAG308	Quản trị dự án/ <i>Project Management</i>	3	Quản trị học	BB	Tiếng Việt
5		Học phần tự chọn chuyên ngành	3		Tự chọn	Tiếng Việt
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			15			

11.8. Học kỳ 8

STT	Mã môn học	Tên môn học (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Môn học trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	INT305	Thực tập cuối khóa/ <i>internship</i>	3	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Việt
2	REP305	Học phần khóa luận tốt nghiệp/ <i>Research Paper</i>	9	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Việt
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			12			

12. Hướng dẫn thực hiện

12.1. Dạy và học trực tuyến: Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến.

12.2. Các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và chuyên nghiệp được tổ chức giảng dạy trên cơ sở nâng cao, mở rộng so với Chương trình đào tạo đại học

chính quy tiêu chuẩn và được giảng viên thể hiện cụ thể trong đề cương và kế hoạch thực hiện môn học.

12.3. Các môn học có yêu cầu thực hành, thực tập, nghiên cứu thực tế được tổ chức lồng ghép trong quá trình tổ chức giảng dạy môn học hoặc sau khi kết thúc môn học.

12.4. Ít nhất 40% khối lượng kiến thức ngành và chuyên ngành (tương đương 6 – 8 môn học) được tổ chức giảng dạy trực tiếp bằng tiếng Anh. Sinh viên được yêu cầu viết khóa luận tốt nghiệp, trong đó tối thiểu phần tóm tắt khóa luận được thể hiện bằng tiếng Anh hoặc khuyến khích viết khóa luận bằng tiếng Anh.

12.5. Chuẩn tin học

- **Điều kiện để học học phần Tin học ứng dụng: sinh viên đạt một trong các điều kiện sau đây:**

- (a) Sinh viên đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trình độ Tin học đầu khóa do Trường tổ chức;
- (b) Sinh viên có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản do Trường cấp;
- (c) Sinh viên có các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường.

Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

- **Chuẩn Tin học đầu ra: sinh viên đạt một trong các điều kiện sau đây:**

- (a) Sinh viên có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường cấp;
- (b) Sinh viên có các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường.

Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

12.6. Chuẩn tiếng Anh

- Chương trình tiếng Anh tăng cường được tổ chức giảng dạy thành 5 học phần trong 2 năm đầu của khóa học, mỗi học phần có 4 đvtc kết hợp 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc viết từ cấp độ thấp đến cao theo chuẩn IELTS hoặc tương đương.

- Điều kiện để học học phần tiếng Anh chuyên ngành: Sinh viên phải được chứng nhận đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu tương ứng cấp độ 3/6 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo

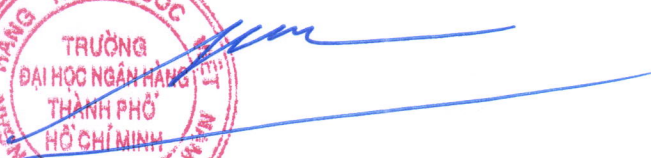
danh mục Trường thông báo. Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

- Chuẩn tiếng Anh đầu ra: Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh tối thiểu ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo; sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

12.7. Chương trình đào tạo kỹ năng mềm: Sinh viên phải hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm bao gồm 8 tín chỉ. Nhà trường tổ chức chương trình với nhiều học phần kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển các nhân và nghề nghiệp tương lai. Sinh viên không phải đóng học phí cho các học phần kỹ năng mềm. Các học phần kỹ năng mềm là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp, không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

12.8. Nghiên cứu khoa học: Trong cả khóa học, mỗi sinh viên CTĐTCLC phải được công nhận hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học theo Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học đối với sinh viên thuộc CTĐTCLC. Đây là một trong những điều kiện xét công nhận tốt nghiệp.


HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.,TS. Nguyễn Đức Trung